TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN EA SÚP** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/HNGĐ-ST
Ngày 24 tháng 9 năm 2020
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA SÚP, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hoài

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bành Trọng Bình

2. Bà Phạm Bích Loan

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hương **-** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Súp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp tham gia phiên tòa:

Bà Ngụ Lê Mỹ Linh – Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Súp xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 154/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2020. Về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Chị Lò Thị T**, sinh năm 1986 (Có mặt)

- *Bị đơn*: **Anh Lê Xuân T**, sinh năm 1985 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lò Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T chung sống với nhau vào năm 2003 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện có đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 14/11/2005. Trong thời gian chung sống cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, bất đồng trong quan điểm sống, tính tình vợ chồng không hòa hợp

do anh T ngoại tình, hay đi chơi bời không lo cho gia đình vợ con. Chị đã cố gắng chịu đựng để vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con cái. Nhưng anh T vẫn không thay đổi, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị với anh T đã có 02 con chung là Lê Bá Q, sinh ngày 05/12/2004 và Lê Thị Như X, sinh ngày 18/3/2007. Khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lê Thị Như X, sinh ngày 18/3/2007 cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị xin được giao con chung là Lê Bá Q, sinh ngày 05/12/2004 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ: Chị và anh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải bị đơn anh Lê Xuân T trình bày:

Anh và chị T chung sống với nhau vào năm 2003 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện có đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 14/11/2005. Thời gian chung sống cuộc sống vợ chồng tương đối hạnh phúc, thỉnh thoảng vợ chồng cũng có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, xúc phạm lẫn nhau, bất đồng trong quan điểm sống, nguyên nhân do anh cũng có lần đi ngoại tình, và cũng có nhiều lần nhắn tin cho những người phụ nữ khác làm cho vợ không còn tin tưởng anh. Anh thấy việc làm của anh như vậy là có lỗi với vợ con, anh đã biết lỗi và xin vợ tha thứ. Anh vẫn còn yêu thương vợ, anh muốn vợ rút đơn để vợ chồng về đoàn tụ cùng nuôi dạy con cái trưởng thành. Do vậy, vợ anh đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn thì anh không đồng ý. Anh sẽ cố gắng hoàn thiện bản thân hơn.

Về con chung: Trong thời gian chung sống anh với chị T đã có 02 con chung là Lê Bá Q, sinh ngày 05/12/2004 và Lê Thị Như X, sinh ngày 18/3/2007. Nếu Tòa án giải quyết cho anh và chị T ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng con chung theo nguyện vọng của con. Nếu con muốn ở với anh thì anh nuôi dưỡng và không đề nghị chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ: Anh và chị T Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng theo quy định của luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn; Bị đơn thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các quy định của pháp luật: Đề nghị Tòa án áp dụng Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia

đình, tuyên xử cho chị T được ly hôn với anh T. Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Thị Như X, sinh ngày 18/3/2007 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Giao con chung là cháu Lê Bá Q, sinh ngày 05/12/2004 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Về vấn đề cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án; Ý kiến của Kiểm sát viên, của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Ea Súp đã triệu tập hợp lệ lần thứ nhất bị đơn anh Lê Xuân T, tại phiên tòa anh T vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Lò Thị T có đơn yêu cầu giải quyết vấn đề hôn nhân, con chung giữa chị với anh Lê Xuân T, địa chỉ thôn A, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vì vậy, đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện không bên nào bị ép buộc và có đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 14/11/2005 là quan hệ hôn nhân hợp pháp, phù hợp theo quy định tại Điều 8 và 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Chị T và anh T thừa nhận trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị cũng có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, xúc phạm lẫn nhau, bất đồng trong quan điểm sống, nguyên nhân do anh T cũng có lần ngoại tình, và cũng có nhiều lần nhắn tin cho những người phụ nữ khác làm cho chị T không còn tin tưởng anh T. Qua xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị T và anh T sinh sống, thì biết được chị T và anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn vì anh T không chăm lo cho gia đình, vợ con và ngoại tình. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình thì yêu cầu ly hôn của chị T là có cơ sở cần chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị T và anh T đã có 02 con chung là Lê Bá Q, sinh ngày 05/12/2004 và Lê Thị Như X, sinh ngày 18/3/2007.

Chị T xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lê Thị Như X, sinh ngày 18/3/2007 cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị xin được giao con chung là Lê Bá Q, sinh ngày 05/12/2004 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh T đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng con chung theo nguyện vọng của các

con. Nguyện vọng của cháu Q xin được ở với anh T, nguyện vọng của cháu X xin được ở với chị T. Như vậy, yêu cầu về việc nuôi dưỡng con chung của chị T phù hợp với nguyện vọng của anh T và phù hợp với nguyện vọng của các con nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu của chị T là giao cháu Lê Thị Như X, sinh ngày 18/3/2007 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu X đủ 18 tuổi. Giao cháu Lê Bá Q, sinh ngày 05/12/2004 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T và anh T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về tài sản chung và công nợ: Chị T và anh T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[7] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[8] Xét lời phát biểu của Kiểm sát viên là có cơ sở cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; 235; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lò Thị T đối với anh Lê Xuân T về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lò Thị T được ly hôn với anh Lê Xuân T.

Về con chung: Giao cháu Lê Thị Như X, sinh ngày 18/3/2007 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu X đủ 18 tuổi. Giao cháu Lê Bá Q, sinh ngày 05/12/2004 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi.

Chị T và anh T không được quyền cản trở nhau đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị T phải chịu 300.000^{đ} (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000^{đ} (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí chị T đã nộp tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện E theo biên lai thu số 0011875 ngày 13 tháng 7 năm 2020.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Ea Súp;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS huyện E;
- Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu Văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Vũ Thị Hoài